

Số: **12** /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **22** tháng **4** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 22/6/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BXD ngày 31/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;


Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 21/TTr-SXD ngày 26/02/2019 và Văn bản số 1095/SXD-QLN ngày 29/3/2019; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 05/BCTĐ-STP ngày 31/01/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

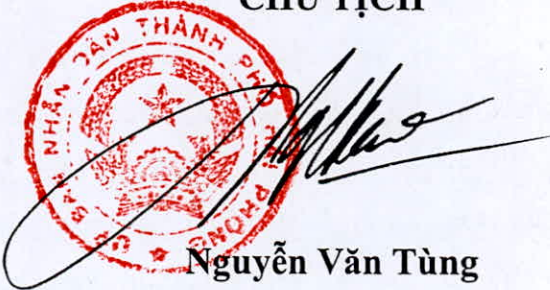
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/5/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Cục trưởng Cục Thống kê thành phố; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chủ đầu tư các dự án bất động sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy (b/c);
- TT HĐND TP (b/c);
- Đoàn ĐBQH TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- Đài PT&TH HP, Báo HP,
- Công TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- CV: XD, QH, TP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2019/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các dự án bất động sản theo quy định tại Quy chế này là các dự án bất động sản phải cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.
Cụ thể:

- a) Dự án phát triển nhà ở;
- b) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới;
- c) Dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp;
- d) Dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- đ) Dự án trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê;
- e) Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khách sạn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Các đối tượng có trách nhiệm phối hợp, báo cáo theo Quy chế này bao gồm: Các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục Thuế thành phố; Cục Thống kê thành phố; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Ban quản lý Khu kinh tế; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Sàn Giao dịch bất động sản; Tổ chức kinh doanh dịch

vụ môi giới bất động sản; Tổ chức hành nghề công chứng; Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản; Chủ đầu tư các dự án bất động sản theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này và các đơn vị liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Việc phối hợp phải kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên.
3. Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo đầy đủ, chính xác theo đúng các biểu mẫu quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung, thông tin, dữ liệu do mình cung cấp.

Chương II

PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP XÂY DỰNG, DUY TRÌ HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Điều 4. Xây dựng hệ thống thông tin

1. Sở Xây dựng chủ trì xây dựng hệ thống biểu mẫu, tập huấn công tác thu thập thông tin, dữ liệu ban đầu.
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm cử cán bộ tham gia tập huấn, làm đầu mối liên lạc với Sở Xây dựng (đối với cá nhân thì trực tiếp tham gia tập huấn và liên lạc với Sở Xây dựng) để thực hiện công tác thu thập và cung cấp thông tin, dữ liệu ban đầu bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử.
3. Sở Xây dựng tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp theo Quy chế này để tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.
4. Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của thành phố.

Điều 5. Duy trì hệ thống thông tin, cập nhật hệ thống thông tin

1. Sở Xây dựng chủ trì duy trì hệ thống thông tin; định kỳ tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp và tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu theo định kỳ;

theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố và đề nghị của Sở Xây dựng.

Trường hợp văn bản yêu cầu, đề nghị cung cấp thông tin, dữ liệu không ghi thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải gửi thông tin, dữ liệu trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị.

3. Các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, dữ liệu bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử. Nơi nhận thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản: Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng, địa chỉ số 32 Lý Tự Trọng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và thư điện tử về Công Thông tin điện tử Sở Xây dựng (*Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Xây dựng hoặc Email: soxd@haiphong.gov.vn*).

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tổ chức thu thập, đánh giá và xử lý số liệu xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; thu thập số liệu xây dựng chỉ tiêu thống kê ngành trong lĩnh vực nhà ở theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

3. Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được lưu trữ và bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định chuyên ngành để đảm bảo an toàn, thuận tiện trong việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin.

4. Sở Xây dựng là cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và bất động sản; Thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Sở Xây dựng lưu trữ, xử lý được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện báo cáo Bộ Xây dựng theo biểu mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016.

6. Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm chung:

a) Phân công đơn vị, cử cán bộ làm đầu mối cung cấp thông tin quy định tại quy chế này. Danh sách đầu mối ghi đầy đủ (tên đơn vị, họ và tên, chức danh, số điện thoại liên lạc, hộp thư điện tử (*email*)) gửi về Sở Xây dựng bằng văn bản.

b) Định kỳ hàng tháng, quý, năm các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo các biểu mẫu quy định tại Điều 13 của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về Sở Xây dựng.

c) Chỉ đạo, đôn đốc công tác cung cấp thông tin, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

d) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ cung cấp dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu; đối với các thông tin, dữ liệu được cập nhật từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành đó có trách nhiệm đảm bảo về tính chính xác của thông tin, dữ liệu.

2. Sở Tư pháp:

a) Báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động công chứng về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến số lượng giao dịch và giá giao dịch bất động sản thông qua công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về số lượng các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trên địa bàn thành phố định kỳ 6 tháng theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 15 của tháng 01 và tháng 7.

b) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn thành phố đối với các dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố

a) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn thành phố đối với các dự án thuộc thẩm quyền do Trung tâm cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo Biểu mẫu số 9 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo.

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình sử dụng đất 06 tháng trên địa bàn thành phố theo Biểu mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 15 của tháng 1 và tháng 7.

c) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn thành phố đối với các dự án có quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

6. Cục Thuế thành phố:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản 06 tháng trên địa bàn thành phố theo Biểu mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 01 và tháng 7.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản.

7. Cục Thống kê thành phố:

Căn cứ kết quả điều tra thống kê, Cục Thống kê cung cấp cho Sở Xây dựng các thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng và nhà ở như sau:

- Thông tin về kết quả điều tra hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố.
- Thông tin về số lượng, diện tích nhà ở, nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn thành phố, khu vực đô thị, nông thôn theo kết quả tổng điều tra (10 năm) và điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (5 năm).

8. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu của dự án bất động sản do chủ đầu tư báo cáo liên quan đến Sở, ngành mình quản lý.

9. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng:

a) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn) trên địa bàn quản lý (bao gồm: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải và các Khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố) đối với các dự án đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản trong phạm vi quản lý theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

10. Sở Công Thương:

a) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về dự án bất động sản các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố (không phân biệt nguồn vốn) đối với các dự án đã được cấp phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

11. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Tổng hợp, báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động chứng thực do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn báo cáo theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, gửi về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình quản lý sử dụng nhà chung cư trên phạm vi địa bàn định kỳ 06 tháng theo Biểu mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 1 và tháng 7.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên phạm vi địa bàn định kỳ hàng năm theo Biểu mẫu số 14 và 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 20 tháng 01 của năm sau năm báo cáo.

d) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động chứng thực về Ủy ban nhân dân các quận, huyện để tổng hợp, báo cáo gửi về Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP, trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

- Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản thông qua chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

13. Sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản:

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về lượng giao dịch, giá giao dịch các loại hình bất động sản thông qua hoạt động công chứng, chứng thực theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản qua công chứng, chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

14. Chủ đầu tư các dự án:

a) Cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5, 7a, 7b, 7c, 7d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản và số lượng sản phẩm của các dự án theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Báo cáo thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày 10 của tháng sau quý báo cáo.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình giao dịch bất động sản tại dự án theo khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Tùng

✓

PHỤ LỤC 1

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG

(Theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản)

Biểu 1 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 2 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 3 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 4a – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 4b – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 4c – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 5 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 6 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 7a – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 7b – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 7c – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 7d – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

MAI
TRUNG
HÀNG

PHỤ LỤC 2

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ

(Theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản)

Biểu 8a – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 8b – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 8c – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 8d – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 9 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

PHỤ LỤC 3

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ 06 THÁNG

(Theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản)

Biểu 10 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 11 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 12 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 13 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

PHỤ LỤC 4

MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

(Theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản)

Biểu 14 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP

Biểu 15 – Phụ lục Nghị định 117/2015/NĐ-CP